



TRUNG TÂM DẠY NGHỀ ĐƯỜNG THỦY MÊ KÔNG
164 Châu Thị Kim - Phường 3 - Thành phố Tân An - Tỉnh Long An

Trích từ Thông tư số 47/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 04/2017/TT-BGTVT

LOẠI PHƯƠNG TIỆN	PHÂN NHÓM PHƯƠNG TIỆN ĐỂ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN		
	Nhóm 3	Nhóm 2	Nhóm 1
Chở khách	Trên 12 người đến 50 người	Trên 50 người đến 100 người	Trên 100 người
Phà	Đến 50 tấn	Trên 50 tấn đến 150 tấn	Trên 150 tấn
Tàu tự hành	Trên 15 tấn đến 150 tấn	Trên 150 tấn đến 1.000 tấn	Trên 1.000 tấn
Đoàn lai	Đến 400 tấn	Trên 400 tấn đến 1.000 tấn	Trên 1.000 tấn
Công suất máy	Trên 15 đến 150 sức ngựa	Trên 150 đến 400 sức ngựa	Trên 400 sức ngựa

LOẠI PHƯƠNG TIỆN	BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN PHƯƠNG TIỆN		
Chở khách	3 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1	4 người: 1 T2, 1 M2, 1 TT1, 1 TM1	5 người: 1 T1, 1 M1, 2 TT1, 1 TM1
Phà	3 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1	5 người: 1 T2, 1 M2, 3 TT1	6 người: 1 T1, 1 M1, 4 TT1
Tàu tự hành; Tàu lai	2 người: 1 T3, 1 M3	3 người: 1 T2, 1 M2, 1 TT1/TM1	3 người: 1 T1, 1 M1, 1 TT1/TM1
Phương tiện bị lai	1 người: 1 TT1	1 người: 1 TT1	2 người: 2 TT1
	Tính cho mỗi chiếc bị lai, riêng lai áp mạn và lai đẩy, từ chiếc thứ 2 trở đi mỗi chiếc bị lai bố trí thêm 1 TT1		
Cánh ngầm, cao tốc trên 12 người (cao tốc 1)	3 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1	5 người: 1 T2, 1 T3, 1 M2, 1 TT1, 1 TM1	6 người: 1 T2, 1 T3, 1 M2, 2 TT1, 1 TM1
	Thuyền trưởng tàu cánh ngầm, cao tốc 1 phải có chứng chỉ điều khiển phương tiện loại 1 tốc độ cao (ĐKTĐCI)		
Lưu trú du lịch ngủ đêm; Nhà hàng nổi, Khách sạn nổi	4 người: 1 T2, 1 M2, 1 TT1, 1 TM1	6 người: 1 T2, 1 T3, 1 M2, 1 M3, 1 TT1, 1 TM1	7 người: 1 T2, 1 T3, 1 M2, 1 M3, 2 TT1, 1 TM1

Tất cả thuyền viên trên tàu phải có chứng chỉ an toàn cơ bản (ATCB)

1. Trọng tải để phân nhóm là trọng tải toàn phần. Công suất máy để phân nhóm là Tổng công suất máy chính. Số người để phân nhóm là số lượng khách tối đa được phép chở trên phương tiện, trừ thuyền viên và trẻ em dưới 1 tuổi.
2. Phương tiện lắp máy ngoài có công suất máy đến 150 sức ngựa (SN) hoặc máy trong đến 50 SN thì không nhất thiết phải bố trí máy trưởng, nếu thuyền trưởng có chứng chỉ thợ máy hạng nhất (TM1); Phương tiện lắp máy ngoài có công suất máy đến 400 SN thì không nhất thiết phải bố trí máy trưởng, nếu thuyền trưởng có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM) máy trưởng tương ứng;
3. Phương tiện dưới nhóm 3 bố trí 1 người có chứng chỉ chuyên môn (CCCM) lái phương tiện (LPT1);
4. Chú thích: TT1 (Thủy thủ hạng nhất); T1, T2, T3, T4 (Thuyền trưởng hạng nhất, nhì, ba, tư); M1, M2, M3 (Máy trưởng hạng nhất, nhì, ba);
5. Ngoài quy định trên, thuyền viên đi trên tàu xăng dầu phải có chứng chỉ an toàn làm việc trên tàu xăng dầu (ATTD), đi trên tàu hóa chất phải có chứng chỉ an toàn làm việc trên tàu hóa chất (ATHC), đi trên tàu khí hóa lỏng phải có chứng chỉ an toàn làm việc trên tàu khí hóa lỏng (ATKHL).

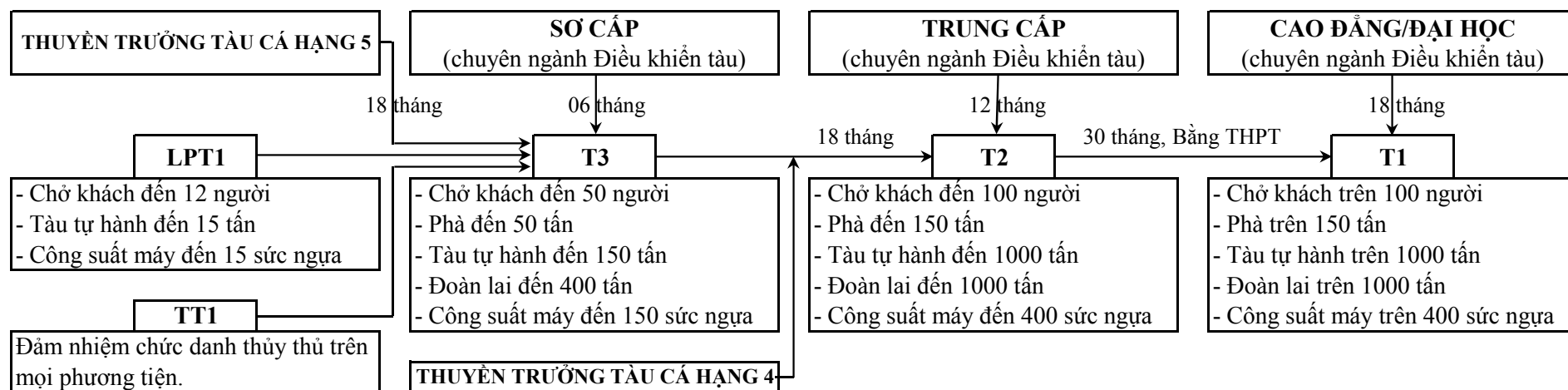


TRUNG TÂM DẠY NGHỀ ĐƯỜNG THỦY MÊ KÔNG
164 Châu Thị Kim - Phường 3 - Thành phố Tân An - Tỉnh Long An

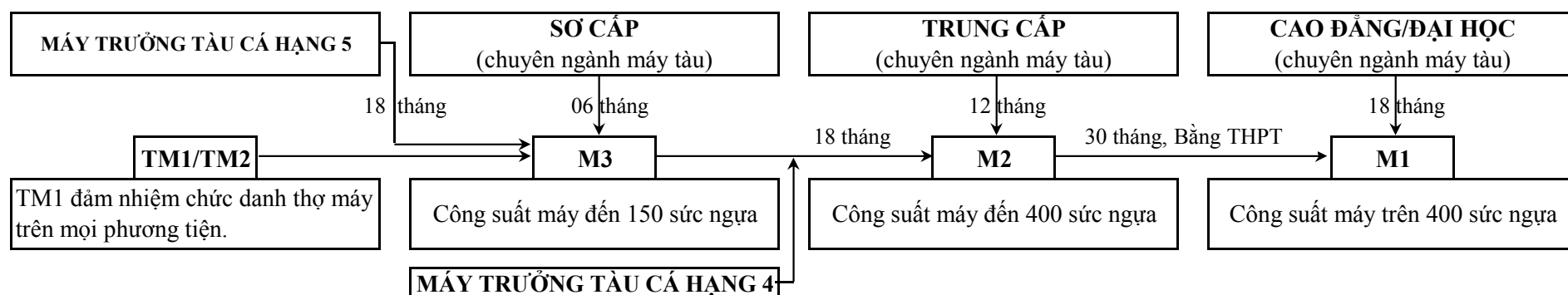
Trích từ Thông tư số 47/2015/TT-BGTVT và Thông tư số 04/2017/TT-BGTVT

LOẠI PHƯƠNG TIỆN	PHÂN NHÓM PHƯƠNG TIỆN ĐỂ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN		
	Nhóm 3	Nhóm 2	Nhóm 1
Chở khách	Trên 12 người đến 50 người	Trên 50 người đến 100 người	Trên 100 người
Phà	Đến 50 tấn	Trên 50 tấn đến 150 tấn	Trên 150 tấn
Tàu tự hành	Trên 15 tấn đến 150 tấn	Trên 150 tấn đến 1.000 tấn	Trên 1.000 tấn
Đoàn lai	Đến 400 tấn	Trên 400 tấn đến 1.000 tấn	Trên 1.000 tấn
Công suất máy	Trên 15 đến 150 sức ngựa	Trên 150 đến 400 sức ngựa	Trên 400 sức ngựa
LOẠI PHƯƠNG TIỆN	BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN PHƯƠNG TIỆN ĐI VEN BIỂN MANG CẤP VR-SB		
Phương tiện đi ven biển mang cấp VR-SB	3 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1	3 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1	4 người: 1 T3, 1 M3, 1 TT1, 1 TM1
Tổng thời gian hành trình trên 01 đến dưới 02 ca làm việc	4 người: 1 T3, 1 T4, 1 M3, 1 TT1	4 người: 1 T3, 1 T4, 1 M3, 1 TT1	5 người: 1 T3, 1 T4, 1 M3, 1 TT1, 1 TM1
Tổng thời gian hành trình trên 02 ca làm việc	5 người: 1 T3, 2 T4, 1 M3, 1 TT1	6 người: 1 T2, 2 T3, 1 M2, 1 M3, 1 TT1	9 người: 1 T1, 2 T2, 1 M1, 2 M2, 2 TT1, 1 TM1
Đối với phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 5.000 tấn đến 10.000 tấn, nếu chuyến hành trình có tổng thời gian vượt quá 02 ca làm việc			11 người: 1 T1, 2 T2, 1 M1, 2 M2, 3 TT1, 2 TM1
Đối với phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 10.000 tấn, nếu chuyến hành trình có tổng thời gian vượt quá 02 ca làm việc			12 người: 1 T1, 2 T2, 1 M1, 2 M2, 4 TT1, 2 TM1
Tất cả thuyền viên trên tàu VR-SB phải có chứng chỉ an toàn ven biển (ATVB), riêng thuyền trưởng phải có thêm chứng chỉ điều khiển ven biển (ĐKVB)			
BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN PHƯƠNG TIỆN CAO TỐC ĐẾN 12 NGƯỜI			
Đến 15 sức ngựa (SN)	Lắp máy ngoài đến 150 SN, lắp máy trong đến 50 SN	Lắp máy ngoài đến 400 SN, lắp máy trong đến 150 SN	Lắp máy ngoài trên 400 SN, lắp máy trong trên 150 SN
1 người: 1 LPT1	1 người: 1 LPT1 và người này phải có thêm TM1	2 người: 1 LPT1, 1 TT1, người LPT1/TT1 phải có thêm TM1	3 người: 1 LPT1, 1 TT1, 1 TM1
Ngoài quy định trên, người lái phương tiện (LPT1) phải có thêm chứng chỉ Điều khiển phương tiện loại 2 tốc độ cao (ĐKTĐCII)			

QUY TRÌNH NÂNG HẠNG THUYỀN TRƯỞNG



QUY TRÌNH NÂNG HẠNG MÁY TRƯỞNG



* **Ghi chú:** T1, T2, T3: Thuyền trưởng hạng 1, hạng 2, hạng 3; M1, M2, M3: Máy trưởng hạng 1, hạng 2, hạng 3; LPT: Chứng chỉ Lái phương tiện; TT: Chứng chỉ Thủy thủ; TM: Chứng chỉ Thợ máy.

CÁC LOẠI CHỨNG CHỈ KHÁC

Chứng chỉ nghiệp vụ: Lái phương tiện hạng nhì (LPT2); Thủy thủ hạng nhì (TT2); Thợ máy hạng nhì (TM2)
 Chứng chỉ đặc biệt: Ngoài giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định, nếu đi trên tàu đặc biệt loại nào thì phải có thêm chứng chỉ đặc biệt tương ứng sau:
 An toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu (ATXD); An toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất (ATHC)
 An toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng (ATKHL); An toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển (ATVB)
 Điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB); Điều khiển phương tiện loại I tốc độ cao (ĐKTĐCI); Điều khiển phương tiện loại II tốc độ cao (ĐKTĐCII)